

BẢO ĐẢM QUYỀN TIẾP CẬN CÔNG LÝ VÀ QUYỀN ĐƯỢC ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG CỦA BỊ HẠI LÀ CÁ NHÂN TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM TỪ LIÊN BANG NGA

TRẦN THU HẠNH* - MAI THANH SƠN**

Tóm tắt: Quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng là những quyền cốt lõi được nhắc đến trong Tuyên ngôn về các nguyên tắc công lý cơ bản cho các nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực. Tại Việt Nam, các nhà lập pháp đã ghi nhận và mở rộng đáng kể quyền của bị hại là cá nhân (BHLCN) trong Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021. Tuy nhiên, việc ghi nhận đầy đủ và bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của BHLCN trong luật tố tụng hình sự (TTHS) Việt Nam vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh, bài viết phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của BHLCN. Ngoài ra, từ những kinh nghiệm lập pháp của Liên bang Nga, các tác giả cung cấp những gợi mở hoàn thiện quy định trong BLTTHS Việt Nam, hướng đến sự hài hòa quyền và lợi ích của các bên, trong đó có bị hại khi tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Từ khóa: Bị hại là cá nhân; tiếp cận công lý; đối xử công bằng; tố tụng hình sự; hài hòa

Ngày nhận bài: 09/12/2024; Biên tập xong: 07/3/2025; Duyệt đăng: 23/7/2025

ENSURING THE RIGHT OF ACCESS TO JUSTICE AND THE RIGHT TO FAIR TREATMENT OF VICTIMS AS INDIVIDUALS IN THE VIETNAMESE CRIMINAL PROCEDURE CODE AND LESSONS FROM THE RUSSIAN FEDERATION

Abstract: The right to access to justice and fair treatment are the fundamental rights mentioned in the Declaration of Basic Principles of Justice for Victims of Crime and Abuse of Power. In Vietnam, legislators have recognized and significantly expanded the rights of individual victims in the 2015 Criminal Procedure Code, amended and supplemented in 2021. However, the full recognition and guarantee of the implementation of the right to access to justice and fair treatment of individual victims in Vietnam's criminal procedure law still has many limitations. By using the method of synthesis - analysis and comparison, the article analyzes and clarifies a number of theoretical issues on the right to access to justice and fair treatment of individual victims. In addition, from the legislative experience of the Russian Federation, the authors provide suggestions for improving the provisions of the Criminal Procedure Code of Vietnam, aiming to harmonize of the rights and interests of the parties, including the victim, when participating in the process of resolving criminal cases.

Keywords: Individual victim; access to justice; fair treatment; criminal proceedings; harmonization

Received: Dec 09th, 2024; **Editing completed:** Mar 07th, 2025; **Accepted for publication:** Jul 23rd, 2025

1. Một số vấn đề lý luận về quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của bị hại là cá nhân

Trong suốt một thời gian dài, có những quan điểm cho rằng hệ thống tư pháp hình sự đã đối xử với nạn nhân của tội phạm tương đối bất công¹. Việc quan tâm đến những nhu cầu hoặc tổn thất của họ thường bị bỏ qua

hoặc thậm chí bị lãng quên. Rất nhiều nghiên cứu dưới góc độ nạn nhân học đã được đẩy mạnh trong những giai đoạn gần đây, kết quả cho thấy nạn nhân có ba loại nhu cầu: Nhu cầu hỗ trợ (như trợ giúp pháp lý và điều trị

* Email: Hanhtt@vnu.edu.vn

Tiến sĩ, Phó Chủ nhiệm Khoa Tư pháp hình sự, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

** Email: Sontm@vnu.edu.vn

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Giảng viên Khoa Tư pháp hình sự, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹ Sebba, L, Third parties: Victims and the criminal justice system (Bên thứ ba: Nạn nhân và hệ thống tư pháp hình sự), The Ohio State University Press, 1996, p. 37.

tâm lý); Nhu cầu thông tin (như thông tin về tiến độ điều tra, giải quyết vụ án); và Nhu cầu tham gia (được nói lên tiếng nói của mình trong quá trình giải quyết vụ án)². Những làn sóng đấu tranh về quyền của nạn nhân đã được ghi nhận tại nhiều quốc gia, buộc hệ thống tư pháp hình sự phải xem xét việc cải thiện vị trí, vai trò của nạn nhân³.

Tuyên ngôn về các Nguyên tắc công lý cơ bản cho các nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực năm 1985, Tuyên bố về các nguyên tắc và hướng dẫn cơ bản về việc đền bù và bồi thường cho nạn nhân bị xâm phạm nghiêm trọng quyền con người năm 2006 được xem là những văn kiện quốc tế quan trọng ghi nhận và bảo vệ quyền của BHLCN, trong đó có nhóm quyền rất quan trọng ở vị trí đầu tiên là quyền được tiếp cận công lý và đối xử công bằng.

Theo Angilina Rotar, quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng là “những cấu thành chính trong nội dung của quyền của bị hại, cùng với các quyền sau: được bồi thường thiệt hại, được bồi thường tài chính đối với những thiệt hại do Nhà nước gây ra, được nhận trợ giúp từ xã hội”⁴. Tuy nhiên, để có thể hiểu rõ và phân biệt được hai nhóm quyền này, chúng ta cần phải tham khảo thêm các quan điểm khác.

Đối với “quyền tiếp cận công lý”, GS.TS. Vũ Công Giao cho rằng, “tiếp cận công lý là khả năng của mọi người có thể tìm kiếm và đạt được một sự đền bù hoặc khắc phục cho những bất công hoặc thiệt hại do cá nhân hay chủ thể khác gây ra, thông qua các cơ chế tư pháp chính thống hoặc không chính thống,

phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người”⁵. PGS.TS. Phạm Hồng Hải lại có quan điểm “quyền tiếp cận công lý là quyền của cá nhân, cơ quan tổ chức, được biết về quá trình giải quyết tranh chấp và các vụ án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”⁶. Trong khi đó, Bryant Garth và Mauro Cappelletti lại nhận định quyền tiếp cận công lý sẽ tập trung hai mục đích cơ bản của hệ thống pháp luật: Nơi mà mọi người có thể bảo vệ quyền của mình và/hoặc giải quyết tranh chấp của họ dưới sự bảo trợ chung của nhà nước. Thứ nhất, hệ thống phải được tiếp cận bình đẳng với tất cả mọi người; Thứ hai, nó phải dẫn đến kết quả công bằng về mặt cá nhân và xã hội⁷. Từ các quan điểm khoa học trên, nhóm tác giả cho rằng quyền tiếp cận công lý của BHLCN phải bao gồm các quyền tiếp cận các cơ chế tư pháp quốc gia; quyền được cấp trợ giúp pháp lý đầy đủ trong suốt quá trình giải quyết vụ án; quyền được giải quyết vụ án bằng những thủ tục phi tố tụng nhằm đảm bảo sự hòa giải và đền bù; quyền không bị trì hoãn trong giải quyết vụ việc và thi hành các mệnh lệnh hay quyết định.

Trong khi đó, các nghiên cứu về quyền được đối xử công bằng của BHLCN lại ở mức độ khiêm tốn hơn. BHLCN phải đối mặt với rất nhiều sự không chắc chắn sau khi bị tội phạm tác động, nhất là về quy trình TTHTS: Điều gì sẽ xảy ra với vụ án của họ và vai trò mà họ sẽ đảm nhiệm⁸. Do vậy, quyền được đối xử công bằng của BHLCN trước tiên đề cập đến quyền được các cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự tôn trọng, đối xử bằng tình thương cũng như được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. BHLCN cần phải được thông báo

² Michael O’Connell (2020), “Improving access to justice: Procedural justice through legal counsel for victims of crime” (Hoàn thiện quyền tiếp cận công lý: Tư pháp tố tụng thông qua hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân tội phạm), *An International Perspective on Contemporary Developments in Victimology: A Festschrift in Honor of Marc Groenhuijsen*, p. 208.

³ Lê Lan Chi, *Bảo đảm quyền của nạn nhân và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 93.

⁴ Rotar Angelina Ivanovna, “Понятие и содержание права потерпевшего на доступ к правосудию”, *Гуманитарные, социально-экономические и общественные науки* (Khái niệm, nội dung quyền tiếp cận công lý của bị hại), 9/2014, c. 2.

⁵ Vũ Công Giao, “Tiếp cận công lý và các nguyên lý của Nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, 25(3)/2009.

⁶ Phạm Hồng Hải, “Quyền tiếp cận công lý ở Việt Nam”, *Đại hội Luật gia dân chủ thế giới tổ chức tại Việt Nam* tháng 9/2009.

⁷ Mauro Cappelletti & Bryant Garth, “Access to justice: The newest wave in the worldwide movement to make rights effective” (Tiếp cận công lý: Làn sóng mới nhất trong phong trào toàn cầu nhằm thực hiện quyền hiệu quả), *Buff. L. Rev.*, 27/1977.

⁸ Hassan Vahedi, Fair Treatment of the Victim in the Code of Criminal Procedure” (Đối xử công bằng với bị hại trong BLTTHS), *International Law Research*, Vol. 7, No. 1/2017, p. 61.

về vai trò của họ khi tham gia vào quá trình tố tụng, thời gian và tiến triển của các thủ tục và về cách xử lý vụ việc của họ, cũng như trong quá trình tham gia phải được trình bày, đưa ra những mối quan tâm trong các giai đoạn tố tụng, đặc biệt tại phiên xét xử. Quyền được đối xử công bằng của BHLCN trong TTHS cần được nhìn nhận như một quyền độc lập, đồng thời có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với quyền tiếp cận công lý. Điều này thể hiện ở chỗ: Quyền được đối xử công bằng không phụ thuộc vào việc bị hại có khởi tố hay trực tiếp tham gia vào quá trình tố tụng. Chỉ cần bị hại là đối tượng chịu tác động của vụ án hình sự, họ đương nhiên được hưởng sự tôn trọng và bảo vệ từ các cơ quan tiến hành tố tụng, đảm bảo không có sự phân biệt đối xử hay xâm phạm quyền lợi chính đáng.

Ngược lại, quyền tiếp cận công lý thể hiện tính chủ động và tích cực của bị hại trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Quyền này cho phép họ chủ động yêu cầu sự can thiệp của pháp luật, khiếu nại, hoặc tham gia trực tiếp vào các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự. Mối quan hệ giữa quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng mang tính bổ trợ, tạo nên một cơ chế bảo vệ cho BHLCN trong TTHS, cũng như phản ánh trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ quyền con người, tạo dựng niềm tin vào công lý và tăng cường hiệu quả hoạt động tư pháp.

2. Các quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam nhằm đảm bảo quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của bị hại là cá nhân

Trải qua ba lần pháp điển hóa, BLTTHS năm 2015 so với các phiên bản trước được đánh giá đã có nhiều thay đổi tiến bộ liên quan đến những quy định về bị hại, đặc biệt đối với BHLCN, cụ thể như sau:

Thứ nhất, BLTTHS năm 2015 mặc dù không trực tiếp quy định nhưng vẫn ghi nhận BHLCN với tư cách là một loại chủ thể của TTHS, từ đó phát sinh những quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 62 để họ có thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Một số quyền tại Điều 62 phần nào đã ghi nhận các nhóm quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của bị hại.

Thứ hai, một trong những nguyên tắc cơ bản của luật TTHS lần đầu tiên được ghi nhận là “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” với nội dung đảm bảo quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan trong vụ án của BHLCN trước những chủ thể khác. Nguyên tắc này đã được cụ thể hóa trong các quyền được quy định tại Điều 62 của BLTTHS năm 2015 khi BHLCN có quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu, cũng như trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan, và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;

Thứ ba, với mong muốn thể hiện sự tôn trọng và lòng cảm thông trước sự thiệt hại, mất mát trực tiếp của BHLCN⁹, cũng như giúp BHLCN có được vị thế nhất định trong mối quan hệ với người bị buộc tội nhằm khắc phục những hậu quả do hành vi phạm tội của mình, các nhà lập pháp đã ghi nhận một chế định tương đối tiến bộ với tên gọi “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại”. Theo đó, trong việc khởi tố những vụ án hình sự nhất định mà cá nhân là đối tượng bị thiệt hại trực tiếp thì cần phải có yêu cầu từ BHLCN. Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự, bị hại có thể hòa giải với người bị buộc tội và rút đơn yêu cầu khởi tố nhằm tôn trọng quyết định của bị hại. So với BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003, quy định “Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại” tại Điều 55 BLTTHS năm 2015 đã có nhiều thay đổi, qua đó khu biệt những loại tội danh thuộc phạm vi yêu cầu khởi tố của BHLCN, cũng như sửa đổi quy định về thời hạn được rút đơn, hỗ trợ BHLCN thực hiện tốt quyền yêu cầu hay rút đơn yêu cầu khởi tố của mình.

Thứ tư, lần đầu tiên các nhà lập pháp đã dành hẳn một chương riêng biệt trong BLTTHS để quy định về việc bảo vệ BHLCN cũng như những người tham gia khác. Chương XXXIV “Bảo vệ người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại và người tham gia tố tụng khác” gồm 07 điều luật quy định về trách nhiệm của các cơ quan, người có thẩm quyền hay các biện pháp bảo vệ cụ thể, thông qua đó bảo

⁹ Trần Thu Hạnh, “Bị hại trong BLTTHS năm 2015 và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, số 33(2)/2017.

đảm cho sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của BHLCN.

Bên cạnh những khía cạnh tích cực, vẫn còn những hạn chế tồn tại trong BLTTHS năm 2015 liên quan đến việc ghi nhận và bảo đảm quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của BHLCN, cụ thể như sau:

Một là, dấu hiệu hình thức là thời điểm công nhận tư cách tố tụng của BHLCN chưa được xác định, các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác định BHLCN vẫn còn bỏ ngỏ. BHLCN là tư cách pháp lý phổ biến nhất của nạn nhân, tuy nhiên hiện nay chưa có quy định nào về thời điểm công nhận tư cách bị hại trong BLTTHS năm 2015. Có những ý kiến cho rằng, khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc được triệu tập họ đến khai báo thì tư cách bị hại cũng sẽ xuất hiện¹⁰. Trong khi đó, nếu giải thích theo quy định Điều 155 về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại, thì việc khởi tố vụ án về một số tội phạm nhất định chỉ được tiến hành khi có yêu cầu của bị hại, do vậy, có thể hiểu tư cách BHLCN xuất hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự? Việc không có quy định cụ thể dẫn đến sự không thống nhất trong việc xác định và công nhận BHLCN giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng¹¹. Nếu không có tư cách pháp lý, những nạn nhân này chỉ có thể tham gia với tư cách người làm chứng hoặc nguyên đơn dân sự, như vậy sẽ không thể đảm bảo việc họ được tiếp cận công lý một cách đầy đủ từ vai trò của người bị thiệt hại trực tiếp do hành vi phạm tội gây ra.

Hai là, hiện nay BLTTHS năm 2015 chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ các quyền để BHLCN được đảm bảo quyền tiếp cận công lý và được đối xử công bằng. Việc chỉ quy định bị hại được thông báo về quyền và nghĩa vụ, thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án chắc chắn không thể đảm bảo cho BHLCN được đối xử công bằng, khi họ hoàn

toàn xa lạ với những thủ tục tố tụng. Ngoài ra, bị hại có quyền tự bảo vệ hoặc nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; tuy nhiên, với những trường hợp chưa đủ điều kiện thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý miễn phí, việc phải tự mình tìm kiếm và trang trải chi phí trở thành gánh nặng đối với BHLCN. Bên cạnh đó, việc BHLCN không có quyền hỏi (chỉ có quyền đề nghị hỏi); không có quyền tham gia, thể hiện ý kiến vào các thủ tục đặc biệt trong TTHS như: Thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm hay thủ tục rút gọn chắc chắn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tiếp cận công lý, đồng thời không đảm bảo việc đối xử công bằng với họ.

Ba là, chế định “khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại” được đánh giá là tiến bộ, giúp BHLCN thể hiện được sự quan tâm, tiếng nói của bản thân vào quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, quyền của BHLCN mới chỉ đảm bảo họ có quyền được yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, còn thẩm quyền khởi tố, điều tra, truy tố vụ án vẫn sẽ thuộc về cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền tố tụng. Việc BHLCN rút yêu cầu khởi tố sẽ dẫn đến kết quả pháp lý là vụ án hình sự sẽ dừng lại, dù trước đó quy trình tố tụng đã được khởi động bởi các cơ quan có thẩm quyền. Điều này một mặt không đảm bảo được quyền tiếp cận công lý và đối xử công bằng của BHLCN, mặt khác có thể gây lãng phí thời gian và công sức của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng¹².

3. Kinh nghiệm lập pháp từ luật tố tụng hình sự Liên bang Nga và những gợi mở cho Việt Nam

Tại Liên bang Nga, luật TTHS đã có nhiều sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhóm yếu thế, đặc biệt là BHLCN - chủ thể thường đối mặt với nhiều khó khăn và thiệt thòi trong quá trình xử lý vụ án. Trong đó, các quy định về quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của bị hại trong các văn kiện quốc tế đã được nội luật hóa theo các cấp độ khác nhau và được thể hiện như sau:

Thứ nhất, các nhà lập pháp đã ghi nhận trong Hiến pháp Liên bang Nga, văn bản

¹⁰ Hoàng Đạt Nam, “Phân biệt tư cách tham gia tố tụng của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Một số bất cập và hướng hoàn thiện”, *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, số 8/2015; Vũ Gia Lâm, “Hoàn thiện quy định về bị hại trong BLTTHS năm 2015”, *Tạp chí Luật học*, số 3/2020.

¹¹ Đinh Thị Mai, *Quyền của người bị hại trong TTHS Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.

¹² Mai Thanh Sơn, Bùi Thu Dung, “Hoàn thiện quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại: Những gợi mở từ Luật TTHS Liên bang Nga và Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, số 2/2024.

pháp lý có hiệu lực cao nhất quyền của nạn nhân của tội phạm. Cụ thể, tại Điều 52 Hiến pháp Liên bang Nga quy định: “Quyền của nạn nhân của tội phạm và lạm dụng quyền lực được pháp luật bảo vệ. Nhà nước cung cấp cho nạn nhân quyền tiếp cận công lý và bồi thường thiệt hại gây ra”. Đây được xem là bước tiến lớn về mặt nhận thức trong chính sách hình sự nói chung của các nhà lập pháp Nga đối với chủ thể này, thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với công dân, tạo tiền đề để quyền của BHLCN được ghi nhận, bảo vệ và bảo đảm trong các đạo luật chuyên ngành, trong đó có BLTTHS Liên bang Nga.

Thứ hai, từ quy định mang tính nền tảng của Hiến pháp, BLTTHS Liên bang Nga đã ghi nhận rõ một trong hai nhiệm vụ cơ bản của luật TTHS là “bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân và tổ chức, của những người bị thiệt hại do tội phạm gây ra” (khoản 1, Điều 6). Bên cạnh đó, tham chiếu đến các quy định cụ thể của BLTTHS Liên bang Nga liên quan đến BHLCN, có thể nhận thấy những điểm nổi bật thể hiện tính tương thích cao trong việc ghi nhận quyền tiếp cận pháp lý và quyền được đối xử bình đẳng như sau:

(i) Cá nhân bị hại khi tham gia vào quá trình TTHS được phân vào nhóm chủ thể buộc tội (Chương 2, Mục 6) và có thể có những tư cách pháp lý khác nhau như BHLCN (trong các vụ án công tố, công tư tố); tư tố viên (trong các vụ án tư tố). Điều này được khẳng định tại Điều 22 BLTTHS Liên bang Nga: “*Bị hại, người đại diện hợp pháp của họ và (hoặc) người đại diện có quyền tham gia vào việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can. Đối với những vụ án tư tố thì họ có quyền buộc tội và thực hiện sự buộc tội theo thủ tục quy định tại Bộ luật này*”. Việc ghi nhận và phân hóa các tư cách pháp lý của BHLCN giúp họ hiểu rõ vị trí và vai trò của mình trong quá trình giải quyết vụ án, từ đó thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

(ii) Thời điểm, thẩm quyền, cách thức ghi nhận tư cách pháp lý của bị hại được quy định rõ ràng. Cụ thể, khoản 1 Điều 42 BLTTHS Liên bang Nga quy định: “*Quyết định công nhận nạn nhân là bị hại được thực hiện ngay từ thời điểm khởi tố vụ án và được thể hiện bằng quyết định của Điều tra viên, Dự thẩm viên, Thẩm phán hoặc quyết định của Tòa án. Nếu tại thời điểm khởi*

tố vụ án hình sự không có thông tin về người bị tội phạm xâm hại thì quyết định công nhận người đó là bị hại được đưa ra ngay sau khi nhận được thông tin về người này”. Việc này giúp BHLCN được hưởng quyền và nghĩa vụ, đồng thời các cơ quan, người có thẩm quyền có căn cứ và cơ sở để tiến hành các hoạt động tố tụng.

(iii) BLTTHS Liên bang Nga ghi nhận một loạt các quyền được đánh giá tiến bộ, thể hiện quan điểm tôn trọng, ghi nhận sự tham gia tích cực cũng như bảo đảm quyền tiếp cận công lý và được đối xử bình đẳng của BHLCN tại khoản 2 Điều 42 BLTTHS Liên bang Nga như: Quyền được biết về nội dung buộc tội đối với bị can; quyền được từ chối làm chứng để chống lại bản thân, vợ hoặc chồng và họ hàng thân thích theo quy định của BLTTHS; quyền được tham gia vào các hoạt động điều tra được tiến hành theo yêu cầu của họ hoặc của người đại diện cho họ nếu được Dự thẩm viên hoặc Điều tra viên đồng ý; quyền được xem các biên bản hoạt động điều tra khi có sự tham gia của họ và đưa ra những nhận xét; được xem quyết định trưng cầu giám định tư pháp và kết luận giám định; được xem toàn bộ hồ sơ vụ án sau khi đã kết thúc điều tra, ghi chép bất kỳ tài liệu nào có trong hồ sơ vụ án và với bất kỳ số lượng nào, sao chụp hồ sơ tài liệu của vụ án, kể cả với sự hỗ trợ của các thiết bị kỹ thuật;...

(iv) Các nhà lập pháp Liên bang Nga cũng thể hiện rõ sự cảm thông đối với BHLCN, cũng như trách nhiệm của Nhà nước trong việc hỗ trợ nạn nhân bị tội phạm xâm hại. Đây là lần đầu tiên quy định việc sử dụng ngân sách nhà nước để chi trả thù lao cho đại diện của nạn nhân (điểm 1.1 khoản 1 Điều 131: *Chi phí tố tụng BLTTHS Liên bang Nga*). Bên cạnh đó, BHLCN cũng được thể hiện quan điểm của mình trong một số chế định đặc biệt trong thủ tục tố tụng như Thủ tục đặc biệt của việc Tòa án ra quyết định trong trường hợp bị can đồng ý với nội dung buộc tội họ. Tòa án sẽ chỉ có thể ra bản án mà không cần tiến hành xét xử theo thủ tục chung nếu BHLCN, tư tố viên không phản đối yêu cầu của bị can.

Thứ ba, theo quy định tại Điều 20 của BLTTHS Liên bang Nga, việc truy cứu trách nhiệm hình sự có thể thực hiện theo ba hình thức là công tố, công - tư tố và tư tố. Khi tham gia với tư cách tư tố viên, một mặt đây là công cụ pháp lý đặc lực giúp nạn nhân/BHLCN

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại trực tiếp từ tội phạm, mặt khác sẽ giúp tối đa hóa sự bình đẳng về quyền của các bên, khi Tòa án đóng vai trò như một trọng tài thực sự độc lập với các bên trong quá trình giải quyết vụ án hình sự¹³.

Từ những phân tích trên, nhóm tác giả đưa ra một vài gợi mở nhằm bảo đảm quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng của BHLCN từ những kinh nghiệm của Liên bang Nga như sau:

Một là, cần phải có những thay đổi mang tính toàn diện về nhận thức, liên quan đến chính sách pháp luật TTHS về vai trò, vị trí, cũng như các quyền của BHLCN, đặc biệt đối với nhóm quyền tiếp cận công lý và quyền được đối xử công bằng, qua đó, có thể tiến tới sửa đổi, bổ sung các quy định của luật TTHS một cách đầy đủ và hiệu quả.

Hai là, từ kinh nghiệm của Liên bang Nga, xem xét ghi nhận thêm các quy định cụ thể mang tính nền tảng trong việc đảm bảo quyền tiếp cận công lý và được đối xử công bằng của BHLCN trong BLTTHS như tại khoản 2 Điều 42 BLTTHS Liên bang Nga.

Ba là, cần nhắc ghi nhận trách nhiệm của Nhà nước tại BLTTHS, việc hỗ trợ chi phí tố tụng liên quan đến chi phí người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trong trường hợp BHLCN không có khả năng chi trả nhưng không thuộc đối tượng được hưởng trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý hiện hành. Bên cạnh đó, cần phải xem xét bổ sung thêm các quy định về quyền được thể hiện ý kiến của BHLCN liên quan đến điều kiện áp dụng trong chế định Thủ tục rút gọn của BLTTHS năm 2015.

Cuối cùng, tiếp tục tăng cường nghiên cứu về các chế định tư tố, trong đó có tham khảo kinh nghiệm của Liên bang Nga, khi điều kiện cho phép, có thể tiến tới xem xét cho phép bị hại tự khởi tố với một số trường hợp nhất định. Điều này sẽ giúp giảm gánh nặng tố tụng trên vai của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, đồng thời sẽ nâng cao vị thế BHLCN, qua đó bảo đảm

quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia vào quá trình tố tụng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Lan Chi, *Bảo đảm quyền của nạn nhân và một số nhóm yếu thế trong tư pháp hình sự từ quy định của pháp luật đến hoạt động của người hành nghề luật*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022;
2. Vũ Công Giao, “Tiếp cận công lý và các nguyên lý của Nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, 25(3)/2009;
3. Trần Thu Hạnh, “Bị hại trong BLTTHS năm 2015 và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, số 33(2)/2017;
4. Vũ Gia Lâm, “Hoàn thiện quy định về bị hại trong BLTTHS năm 2015”, *Tạp chí Luật học*, số 3/2020;
5. Đinh Thị Mai, *Quyền của người bị hại trong TTHS Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014;
6. Michael O’Connell (2020), “Improving access to justice: Procedural justice through legal counsel for victims of crime” (Hoàn thiện quyền tiếp cận công lý: Tư pháp tố tụng thông qua hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân tội phạm), *An International Perspective on Contemporary Developments in Victimology: A Festschrift in Honor of Marc Groenhuijsen*;
7. Mauro Cappelletti & Bryant Garth, “Access to justice: The newest wave in the worldwide movement to make rights effective” (Tiếp cận công lý: Làn sóng mới nhất trong phong trào toàn cầu nhằm thực hiện quyền hiệu quả), *Buff. L. Rev.*, 27/1977;
8. Hoàng Đạt Nam, “Phân biệt tư cách tham gia tố tụng của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Một số bất cập và hướng hoàn thiện”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số 8/2015;
9. Leslie Sebba, “Third parties: Victims and the criminal justice system” (Bên thứ ba: Nạn nhân và hệ thống tư pháp hình sự), *The Ohio State University Press*, 1996;
10. Mai Thanh Sơn, Bùi Thu Dung, “Hoàn thiện quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại: Những gợi mở từ Luật TTHS Liên bang Nga và Trung Quốc”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, số 2/2024;
11. Z. Z. Talyneva, “О необходимости существования дел частного обвинения в уголовном процессе” (Về sự cần thiết của tư tố trong TTHS), *Евразийский юридический журнал*, 2/2016;
12. Rotar Angelina Ivanovna, “Понятие и содержание права потерпевшего на доступ к правосудию”, *Гуманитарные, социально-экономические и общественные науки* (Khái niệm, nội dung quyền tiếp cận công lý của bị hại), 9/2014;
13. Hassan Vahedi, “Fair Treatment of the Victim in the Code of Criminal Procedure” (Đối xử công bằng với bị hại trong BLTTHS), *International Law Research*, Vol. 7, No. 1/2017.

¹³ Z. Z. Talyneva, “О необходимости существования дел частного обвинения в уголовном процессе” (Về sự cần thiết của tư tố trong TTHS), *Евразийский юридический журнал*, 2/2016, с. 267.